

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 20/2022/DS-ST

Ngày: 26-9-2022.

“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Vũ và ông Trương Duy Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc T - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022 về *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B.

Địa chỉ: Tầng 1,3,4,5,6 Tòa nhà Th, số 210 Tr, phường Tr, quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công T – Giám đốc Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh K.

Ông Nguyễn Công T ủy quyền lại cho ông Đỗ Mai Thế H – Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng HTHĐ tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền số 08/2022/UQ), có mặt.

- Bị đơn:

1/ Anh Huỳnh Văn C, sinh năm 1993;

2/ Chị Lê Đỗ Hoài T, sinh năm 1997,.

Cùng địa chỉ: Số 19B Tr, tổ 5 (tổ 6 cũ), phường Tr, thành phố K, tỉnh K (Cùng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

Ngày 08/11/2021 và ngày 15/11/2021 giữa Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh K (sau đây viết tắt là: Ngân hàng) với ông Huỳnh Văn C và bà Lê Đỗ Hoài T cùng ký kết 02 Hợp đồng tín dụng, như sau:

1/ Hợp đồng HDTD64020211293 ngày 08/11/2021, vay số tiền 400.000.000 đồng; mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh mục; lãi suất trong hạn 9,4%/năm, lãi suất nợ gốc quá hạn 150%/năm của lãi suất trong hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả 10%/năm; thời hạn cho vay 11 tháng kể từ ngày giải ngân 09/11/2021 đến hết ngày 08/10/2022; kỳ hạn trả nợ gốc: cuối kỳ; kỳ hạn trả lãi: ngày 25 hàng tháng.

2/ Hợp đồng HDTD64020211328 ngày 15/11/2021, vay số tiền 100.000.000 đồng; mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh mục; lãi suất trong hạn 10,9%/năm, lãi suất nợ gốc quá hạn 150%/năm của lãi suất trong hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả 10%/năm; thời hạn cho vay 11 tháng kể từ ngày giải ngân 16/11/2021 đến hết ngày 15/10/2022; kỳ hạn trả nợ gốc: cuối kỳ; kỳ hạn trả lãi và ngày 25 hàng tháng.

Để đảm bảo khoản vay trên, anh C và chị T đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng lô đất diện tích 275,2m² tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 76, địa chỉ: Đường Tr, phường Tr, thành phố K, tỉnh K đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS05019, do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh K cấp ngày 12/12/2019, người đứng tên sử dụng anh Huỳnh Văn C, trị giá tài sản thế chấp là 706.000.000 đồng, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: HĐTC64020211293 ngày 08/11/2021 (sau đây viết tắt là: Hợp đồng thế chấp) giữa ngân hàng với anh Huỳnh Văn C; nghĩa vụ bảo đảm gồm nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt, các loại phí và các khoản bồi hoàn phát sinh theo hợp đồng; ngân hàng được toàn quyền xử lý tài sản bảo đảm khi bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ được quy định tại hợp đồng tín dụng. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký thế chấp theo quy định.

Ngày 06/02/2022, Ngân hàng thông báo nợ quá hạn. Từ khi khoản vay chuyển sang nợ quá hạn, anh C và chị T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26/9/2022 anh C và chị T còn nợ số tiền tổng cộng 536.623.959 đồng, trong đó: Nợ gốc 500.000.000 đồng; lãi quá hạn: 35.311.490 đồng; lãi chậm trả gốc: 0 đồng; lãi chậm trả lãi: 1.312.469 đồng. Nay ngân hàng yêu cầu Tòa án:

- Buộc anh C và bà T phải trả số tiền nợ gốc và lãi suất tính đến ngày 26/9/2022 là 536.623.959 đồng và tiền lãi suất phát sinh từ sau ngày 26/9/2022 đến khi trả hết nợ;

- Trường hợp anh C và chị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- **Bị đơn** anh C và chị T không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không thực hiện quyền, nghĩa vụ chứng minh, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Bị đơn anh C và chị T vẫn ở tại nơi cư trú nhưng thường xuyên vắng mặt. Do đó Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của anh C và chị T và tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 155, khoản 1 Điều 156, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các điều 280, 282, khoản 1 Điều 293, khoản 1 Điều 323, Điều 463, khoản 5 Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 91, khoản 1, 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Huỳnh Văn C và chị Lê Đỗ Hoài T phải trả các khoản nợ gốc và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng. Trường hợp anh C và chị T không trả đủ tiền cho Ngân hàng thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp. Anh C và chị T phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Ngân hàng khởi kiện anh C và chị T về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tại thời điểm thụ lý, anh C và chị T có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ: 19B Tr, phường Tr, thành phố K. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K.

Bị đơn anh C và chị T thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Anh C và chị T đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt lần 2 không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu của ngân hàng buộc anh C và chị T phải trả số tiền nợ gốc và lãi suất tính đến ngày 26/9/2022 là 536.623.959 đồng và tiền lãi suất phát sinh từ sau ngày 26/9/2022 đến khi trả hết nợ. Xét thấy:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số HDTD64020211293, Hợp đồng tín dụng số HDTD6402021328, Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ ngày 08/11/2021 và ngày 15/11/2021, Thông báo nợ quá hạn, Biên bản làm việc và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở khẳng định: Ngày 08/11/2021 anh Huỳnh Văn C và chị Lê Đỗ Hoài T vay của Ngân hàng số tiền 400.000.000 đồng; với lãi suất trong hạn 9,4%/năm, lãi suất quá hạn 150%/năm của lãi suất

trong hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả: 10%/năm; thời hạn cho vay 11 tháng kể từ ngày giải ngân 09/11/2021 đến ngày hết hạn 08/10/2022; kỳ hạn trả nợ gốc: cuối kỳ; kỳ hạn trả lãi: Ngày 25 hàng tháng. Ngày 15/11/2021 anh Huỳnh Văn C và chị Lê Đỗ Hoài T vay của Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng; với lãi suất trong hạn 10,9%/năm, lãi suất quá hạn 150%/năm của lãi suất trong hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả: 10%/năm; thời hạn cho vay 11 tháng kể từ ngày giải ngân 16/11/2021 đến ngày hết hạn 15/10/2022; kỳ hạn trả nợ gốc: cuối kỳ; kỳ hạn trả lãi: Ngày 25 hàng tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh C và chị T không thực hiện việc trả gốc và lãi suất, nên đã vi phạm thời hạn trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Từ sau ngày 06/2/2022 ngân hàng đã chuyển khoản nợ của anh C và chị T thành nợ quá hạn.

Khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng, quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng:

“2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng, quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng:

“2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Điều 280 Bộ luật Dân sự quy định về thực hiện nghĩa vụ trả tiền:

“1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận.

2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Điều 282 Bộ luật Dân sự quy định về thực hiện nghĩa vụ theo định kỳ:

“Nghĩa vụ được thực hiện theo định kỳ theo thỏa thuận, theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Việc chậm thực hiện nghĩa vụ theo từng kỳ cũng bị coi là chậm thực hiện nghĩa vụ”.

Khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

“5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Xét, căn cứ vào nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng và việc anh C, chị T vi phạm hợp đồng về thời hạn trả nợ; và căn cứ các quy định pháp luật nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc anh C và chị T phải trả số tiền nợ gốc, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, tiền lãi của tiền lãi

chậm trả và tiền lãi suất phát sinh từ sau ngày 26/9/2022 đến khi trả hết nợ, là có căn cứ được chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu của ngân hàng về phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Xét thấy:

Để đảm bảo trả nợ khoản vay 500.000.000 đồng nêu trên của anh C và chị T đối với ngân hàng (gồm nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt, các loại phí và các khoản bồi hoàn phát sinh theo hợp đồng), anh C và chị T đã thế chấp cho ngân hàng quyền sử dụng lô đất diện tích 275,2m² tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 76, địa chỉ: Đường Tr, phường Tr, thành phố K, tỉnh K theo Hợp đồng thế chấp số: HĐTC64020211293 ngày 08/11/2021; theo đó ngân hàng được toàn quyền xử lý tài sản bảo đảm khi anh C và chị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ được quy định tại hợp đồng tín dụng số HDTD64020211328 và HDTD64020211293. Hợp đồng thế chấp đã thực hiện các thủ tục đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền đúng theo quy định của pháp luật, nên hợp pháp và có hiệu lực bắt buộc thực hiện đối với các bên.

Như nhận định ở trên (mục [1]) anh C và chị T đã vi phạm thời hạn trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, quy định về chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi suất:

“2. Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật”.

Khoản 1 Điều 299 Bộ luật Dân sự quy định về các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm: *“1. Đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ”.*

Khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự quy định về quyền của bên nhận thế chấp: *“7. Xử lý tài sản thế chấp khi thuộc trường hợp quy định tại Điều 299 của Bộ luật này”.*

Xét, căn cứ vào nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng thế chấp và việc anh C và chị T vi phạm hợp đồng tín dụng; và căn cứ các quy định pháp luật nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận nên anh C và chị T phải chịu toàn bộ tiền án phí và chi phí tố tụng theo quy định, như sau:

- Án phí: Anh C và chị T phải trả cho ngân hàng số tiền 536.623.959 đồng nên phải chịu 25.464.900 đồng tiền án dân sự sơ thẩm;

- Chi phí tố tụng: Anh C và chị T phải chịu 1.500.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng đã nộp 1.500.000 đồng tiền chi phí tố tụng này, nên anh C và chị T phải hoàn trả lại cho ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 280, 282, khoản 1 Điều 293, khoản 1 Điều 323, Điều 463, khoản 5 Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 91, khoản 1, 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Chấp nhận đơn khởi kiện về tranh chấp hợp đồng tín dụng, đề ngày 22/3/2022 của Ngân hàng T mại cổ phần B đối với anh Huỳnh Văn C và chị Lê Đỗ Hoài T.

Xử:

1. Buộc anh Huỳnh Văn C và **chị** Lê Đỗ Hoài T phải trả cho Ngân hàng T mại cổ phần B – Chi nhánh K số tiền nợ gốc và tiền lãi suất tính đến ngày 26/9/2022 là **536.623.959** (Năm trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi ba nghìn, chín trăm năm mươi chín) đồng, trong đó tiền nợ gốc 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 35.311.490 đồng, lãi quá hạn 1.312.469 đồng.

Áp dụng án lệ số 08/2016/AL, ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp anh Huỳnh Văn C và chị Lê Đỗ Hoài T không trả hoặc trả không đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng T mại cổ phần B – Chi nhánh K, thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: HĐTC64020211293 ngày 08/11/2021 giữa Ngân hàng T mại cổ phần B– Chi nhánh K với anh Huỳnh Văn C để thu hồi nợ.

Tài sản thế chấp: Lô đất diện tích 275,2m² tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 76, địa chỉ: Đường Tr, phường Tr, thành phố K, tỉnh K đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS05019, ngày 23/03/2020, do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh K cấp cho người sử dụng anh Huỳnh Văn C, địa chỉ thường trú: 19B đường Tr, phường Tr, thành phố K, tỉnh K.

3. Về án phí, chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Anh Huỳnh Văn C và chị Lê Đỗ Hoài T phải chịu 25.464.900 (Hai trăm triệu, bốn trăm sáu mươi bốn nghìn, chín trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm;

- Anh Huỳnh Văn C và chị Lê Đỗ Hoài T phải chịu 1.500.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng đã nộp 1.500.000 đồng tiền chi phí tố tụng này, nên anh Huỳnh Văn C và chị Lê Đỗ Hoài T phải hoàn trả lại cho

ngân hàng T mại cổ phần B - Chi nhánh K số tiền **1.500.000** (Một triệu, năm trăm nghìn) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng T mại cổ phần B – Chi nhánh K số tiền **12.167.000** đồng (*Mười hai triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*) đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền số 0000577 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/9/2022). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND Tp. K;
- Chi cục THADS Tp.K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Hoài